

# HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT NHẪM THÚC ĐẨY VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG KỶ NGUYÊN SỐ - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

ĐINH PHAN QUỲNH  
Trưởng Đại học Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 19/8/2025. Sửa chữa xong 16/9/2025. Duyệt đăng 22/9/2025.

## Abstract

In the context of globalization and digital transformation, Vietnam's education system faces the dual challenge of adopting modern knowledge while safeguarding and promoting its unique educational cultural values. Law plays a crucial role in shaping and ensuring the development of educational culture, especially as the digital era presents new challenges: technological impacts, globalization, the risk of losing traditional values, and the digital divide among social groups. This paper analyzes the theoretical foundation of educational culture and law in the digital age, assesses Vietnam's current legal regulations, considers international experiences, and suggests solutions to enhance the legal framework for fostering educational culture in the digital era.

**Keywords:** Educational culture, digital era, legal improvement, educational digital transformation, Vietnam.

## 1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã làm thay đổi sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục. Chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ dừng ở việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học mà còn tác động trực tiếp đến các giá trị, chuẩn mực, hành vi, tức là đến văn hóa giáo dục (VHGD). VHGD vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính phát triển, là nền tảng để giáo dục định hình con người toàn diện. Trong bối cảnh đó, hệ thống pháp luật giữ vai trò quan trọng trong việc kiến tạo, định hướng và bảo đảm sự phát triển của VHGD. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành ở Việt Nam về giáo dục và chuyển đổi số còn tản mạn, chưa tạo được hành lang pháp lý đồng bộ để phát triển VHGD trong kỷ nguyên số. Bài viết tập trung làm rõ: 1. Phân tích cơ sở lý luận về VHGD và pháp luật trong kỷ nguyên số; 2. Đánh giá thực trạng pháp luật ở Việt Nam; 3. Tham chiếu kinh nghiệm quốc tế; 4. Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật, góp phần xây dựng VHGD lành mạnh, hiện đại, giàu bản sắc trong bối cảnh số hóa.

## 2. Cơ sở lý luận về văn hóa giáo dục trong kỷ nguyên số

### 2.1. Khái niệm văn hóa giáo dục

Văn hóa giáo dục được hiểu là tổng thể những giá trị, chuẩn mực, niềm tin và hành vi được hình thành, duy trì trong quá trình dạy học và giáo dục, nó không chỉ phản ánh tri thức và kỹ năng mà còn bao hàm các mối quan hệ giữa thầy - trò, nhà trường - gia đình - xã hội, qua đó góp phần hình thành nhân cách và bản sắc văn hóa của mỗi cá nhân. VHGD bao gồm cả văn hóa nhà trường, văn hóa học thuật, và văn hóa ứng xử trong dạy và học. Theo PGS. TSKH Trần Ngọc Thêm thì VHGD chính là một tiểu hệ thống văn hóa, giữ vai trò định hướng và truyền thụ giá trị cho thế hệ trẻ [1, tr. 20]. Ở góc độ quốc tế, Deal & Peterson cho rằng VHGD được thể hiện qua các giá trị, biểu tượng, nghi thức và truyền thống trong môi trường học đường, từ đó tạo nên bản sắc và sức mạnh tinh thần của cộng đồng giáo dục [2, tr. 10-15]. Tài liệu của Tổ chức VHGD Liên hợp quốc (UNESCO) xuất bản năm 2015 nhấn mạnh: VHGD là nền tảng để phát triển

Email: dinhphanquynh@gmail.com

nhân cách, hình thành xã hội học tập và bền vững. Như vậy có thể nhận thấy, về cơ bản các nghiên cứu cả trong và ngoài nước đều thừa nhận VHGD là nền giáo dục được tổ chức, vận hành hướng tới các chuẩn và các giá trị của giáo dục. Triển khai VHGD là làm cho các khâu, thành tố, hoạt động của gia tăng các giá trị chân, thiện, mỹ và những giá trị đó thể hiện đầy đủ trong các phương diện, quá trình giáo dục.

## **2.2. Khái niệm kỷ nguyên số và tác động đến giáo dục**

Kỷ nguyên số được hiểu là giai đoạn phát triển mới của nhân loại, trong đó công nghệ số, Internet, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, blockchain và các công nghệ tiên tiến khác trở thành nền tảng và động lực chủ yếu thúc đẩy sự thay đổi trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Đặc trưng nổi bật của kỷ nguyên này là sự kết nối toàn cầu, tốc độ lan truyền thông tin nhanh chóng, khả năng xử lý dữ liệu khổng lồ và mức độ tự động hóa ngày càng cao.

Đối với giáo dục, kỷ nguyên số đem lại những cơ hội quan trọng như: - Mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức: Người học có thể truy cập kho tàng tri thức khổng lồ trên phạm vi toàn cầu thông qua Internet, thư viện số, các khóa học trực tuyến mở (MOOCs), từ đó vượt qua rào cản về không gian và thời gian; - Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập: Công nghệ số hỗ trợ phương pháp dạy học tích cực, học tập cá thể hóa, lớp học đảo ngược, mô phỏng thực tế ảo (VR/AR) và học tập dựa trên dữ liệu, giúp nâng cao tính tương tác và hiệu quả học tập; - Thúc đẩy học tập suốt đời: Người học có thể chủ động lựa chọn nội dung, hình thức và thời gian học phù hợp với nhu cầu và điều kiện cá nhân, qua đó nâng cao năng lực thích ứng trong xã hội tri thức; - Tăng cường khả năng hợp tác và sáng tạo: Các nền tảng số cho phép học sinh, sinh viên, giảng viên kết nối và hợp tác xuyên biên giới, phát triển các kỹ năng mềm và tư duy đổi mới sáng tạo.

Tuy nhiên, kỷ nguyên số cũng đặt ra nhiều thách thức đối với giáo dục, đó là: - Nguy cơ thông tin sai lệch và thiếu kiểm chứng: Việc phổ biến thông tin nhanh chóng có thể khiến người học bị ảnh hưởng bởi tin giả, tri thức không chuẩn xác nếu thiếu kỹ năng chọn lọc và đánh giá thông tin; - Tác động của văn hóa ngoại lai: Môi trường số toàn cầu dễ dẫn đến sự xâm nhập và lan tỏa mạnh mẽ của các giá trị, lối sống không phù hợp với văn hóa, bản sắc dân tộc; - Khoảng cách số: Không phải mọi người học đều có điều kiện tiếp cận công nghệ số. Sự chênh lệch về hạ tầng, thiết bị và kỹ năng công nghệ tạo nên sự phân hóa trong cơ hội học tập; - Áp lực thay đổi đối với đội ngũ giáo viên: Giáo viên phải thường xuyên cập nhật kỹ năng số, thay đổi vai trò từ người truyền thụ kiến thức sang người hướng dẫn, hỗ trợ và định hướng học tập cho người học.

Như vậy, kỷ nguyên số vừa mang lại cơ hội to lớn để đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết về quản lý, định hướng và trang bị kỹ năng số cho cả người dạy lẫn người học nhằm phát huy lợi thế và giảm thiểu rủi ro trong quá trình chuyển đổi số giáo dục.

## **3. Vai trò của pháp luật trong xây dựng văn hóa giáo dục**

Pháp luật là công cụ cơ bản để Nhà nước điều chỉnh hành vi xã hội, định hướng giá trị và tạo dựng khuôn khổ cho sự phát triển bền vững. Trong lĩnh vực giáo dục, pháp luật không chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia mà còn góp phần hình thành và phát triển VHGD hiện đại, nhân văn và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.

### **3.1. Pháp luật xác định mục tiêu, nguyên tắc và chuẩn mực của văn hóa giáo dục**

Luật Giáo dục năm 2019 đã khẳng định giáo dục Việt Nam hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện con người về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và kỹ năng cơ bản, đồng thời nuôi dưỡng phẩm chất công dân, lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm xã hội. Đây là nền tảng pháp lý định hướng cho việc xây dựng VHGD lấy con người làm trung tâm, bảo đảm công bằng và tôn trọng sự đa dạng.

### **3.2. Pháp luật bảo đảm quyền học tập và tiếp cận tri thức số của công dân**

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định

hướng đến năm 2030". Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để mở rộng hạ tầng số trong các cơ sở giáo dục, phát triển kho học liệu mở và bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng của người học ở mọi vùng miền. Thực tiễn cho thấy, nhờ các chính sách này, hàng triệu học sinh tại vùng sâu, vùng xa đã có điều kiện tiếp cận bài giảng trực tuyến trong giai đoạn dịch Covid-19.

### **3.3. Pháp luật quy định trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh**

Luật Trẻ em (2016) và Luật An ninh mạng (2018) nhấn mạnh nghĩa vụ của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc bảo vệ trẻ em, học sinh trước các nguy cơ bạo lực học đường, xâm hại và ảnh hưởng tiêu cực từ không gian mạng. Ví dụ: Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên nhằm tạo hành lang pháp lý cho việc xây dựng văn hóa ứng xử văn minh, tôn trọng, nhân văn trong nhà trường.

### **3.4. Pháp luật là công cụ ngăn ngừa và xử lý các hiện tượng tiêu cực trong giáo dục**

Trong thực tiễn, nhiều vụ việc tiêu cực trong giáo dục đã được xử lý nhờ khung pháp lý rõ ràng. Cụ thể: - Vấn đề gian lận thi cử: Vụ việc gian lận điểm thi tại kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 ở Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình hoặc gần đây nhất là vụ sửa điểm thi vào trung học phổ thông tại Thanh Hóa đã cho thấy sự cần thiết của việc siết chặt quy định pháp luật, tăng cường chế tài xử lý để bảo đảm tính liêm chính trong đánh giá kết quả học tập; - Bạo lực học đường: Các vụ việc học sinh, giáo viên bị bạo hành ở Nghệ An, Hà Nội [3]... trong thời gian qua đã dẫn tới việc cơ quan quản lý giáo dục phối hợp với công an địa phương xử lý nghiêm, đồng thời ban hành quy định tăng cường tư vấn tâm lý học đường; - Xâm phạm quyền riêng tư trên không gian mạng: Một số trường hợp lộ lọt thông tin cá nhân học sinh, sinh viên trên môi trường trực tuyến đã được xử lý dựa trên quy định của Luật An ninh mạng (2018) và Nghị định 15/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

Như vậy, pháp luật vừa đóng vai trò là "hành lang pháp lý" bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, vừa là "công cụ định hướng" hình thành chuẩn mực, giá trị và hành vi VHGD. Trong bối cảnh hội nhập và kỷ nguyên số, việc hoàn thiện pháp luật giáo dục đi đôi với thực thi nghiêm minh là điều kiện tiên quyết để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, công bằng, hiện đại và giàu tính nhân văn.

## **4. Thực trạng pháp luật và xây dựng văn hóa giáo dục tại Việt Nam**

Trong những năm gần đây, các chủ thể có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng nhằm điều chỉnh hoạt động giáo dục và đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số, nổi bật có thể kể đến:

Luật Giáo dục năm 2019, xác định rõ mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện.

Luật An ninh mạng năm 2018 và Luật Giao dịch điện tử năm 2023, tạo hành lang pháp lý bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, cũng như các hoạt động học tập, giảng dạy và quản trị trong môi trường số.

Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, đặt ra mục tiêu đưa giáo dục trở thành một trong những lĩnh vực tiên phong của chuyển đổi số [4].

Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 nhấn mạnh việc xây dựng VHGD hiện đại, nhân văn, đồng thời phát huy các giá trị truyền thống trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy hiện nay Việt Nam vẫn chưa có một đạo luật hoặc văn bản pháp lý chuyên biệt quy định trực tiếp và toàn diện về VHGD trong kỷ nguyên số. Điều này dẫn đến khoảng trống pháp lý nhất định trong việc quản lý và định hướng giá trị VHGD trong môi trường học tập số hóa.

*Thành tựu đạt được:* Việc ban hành và triển khai các văn bản pháp luật, chính sách nêu trên đã đem lại nhiều kết quả tích cực: - Hệ thống giáo dục đã tăng cường ứng dụng công nghệ số, đặc biệt trong giai đoạn dịch COVID-19, qua đó mở rộng khả năng tiếp cận tri thức toàn cầu; - Nhiều trường đại học, cao đẳng đã phát triển văn hóa số trong giáo dục, thể hiện qua việc xây dựng hệ thống học liệu mở, đẩy mạnh mô hình học tập kết hợp (blended learning) và áp dụng quản trị đại học điện tử; - Quyền học tập và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục số đã được pháp luật ghi nhận và bảo đảm, góp phần thu hẹp

khoảng cách về cơ hội tiếp cận tri thức.

**Hạn chế và bất cập:** Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn tồn tại những hạn chế nhất định: - Tính đồng bộ trong pháp luật chưa cao: Các quy định liên quan đến quản trị văn hóa học đường trong môi trường số còn rời rạc, thiếu cơ chế phối hợp và hướng dẫn cụ thể; - Khoảng cách số giữa các vùng miền: Học sinh, sinh viên tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa chưa được hưởng lợi đầy đủ từ quá trình chuyển đổi số; - Suy giảm văn hóa học thuật: Tình trạng đạo văn, sao chép luận văn, gian lận trong thi cử trực tuyến ngày càng phổ biến, cho thấy lỗ hổng trong cả ý thức người học lẫn khung pháp lý điều chỉnh; - Thiếu chế tài xử lý hiệu quả: Các hành vi vi phạm VHGD trong không gian mạng như bạo lực học đường trên mạng xã hội, xâm phạm quyền riêng tư vẫn chưa có quy định và chế tài cụ thể, kịp thời.

**Yêu cầu đặt ra:** Từ những thực trạng nêu trên, việc xây dựng VHGD trong kỷ nguyên số ở Việt Nam cần đáp ứng các yêu cầu: - Xây dựng một khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ và chuyên biệt nhằm vừa thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, vừa bảo vệ và phát triển các giá trị VHGD; - Bảo đảm sự hài hòa giữa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu có chọn lọc các giá trị toàn cầu, từ đó hình thành một nền VHGD hiện đại, nhân văn và bền vững; - Tăng cường các quy định về đạo đức học thuật, an toàn thông tin và trách nhiệm của các chủ thể trong môi trường số, tạo nền tảng pháp lý cho sự phát triển lâu dài.

## **5. Kinh nghiệm quốc tế và giá trị tham khảo cho Việt Nam**

### **5.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia**

#### **5.1.1. Hàn Quốc**

Hàn Quốc được xem là quốc gia tiên phong trong ứng dụng công nghệ số vào giáo dục. Chính phủ đã ban hành Luật Khung về Xã hội Thông tin (Framework Act on Informatization Promotion, 1995, sửa đổi 2010), tạo nền tảng pháp lý cho việc xây dựng xã hội tri thức. Từ năm 2011, Hàn Quốc triển khai Chính sách Giáo dục Thông minh (Smart Education Policy) với mục tiêu số hóa toàn bộ sách giáo khoa, phát triển hệ thống học liệu mở và đưa các lớp học thông minh (smart classrooms) vào phổ thông. Kết quả là tỷ lệ học sinh, sinh viên có khả năng sử dụng công nghệ thành thạo tăng mạnh, đồng thời hình thành văn hóa học tập sáng tạo, lấy người học làm trung tâm [5].

#### **5.1.2. Phần Lan**

Phần Lan được quốc tế công nhận là quốc gia có hệ thống giáo dục hàng đầu nhờ triết lý “văn hóa tin cậy”. Thay vì quản lý chặt chẽ bằng các quy định cứng nhắc, Chính phủ trao quyền tự chủ rất lớn cho giáo viên trong việc xây dựng nội dung và phương pháp giảng dạy. Công nghệ số được tích hợp vào lớp học trên nguyên tắc phục vụ con người, phát triển tư duy phản biện và sáng tạo. Đặc biệt, giáo dục số ở Phần Lan không chỉ chú trọng đến kỹ năng sử dụng công cụ, mà còn nhấn mạnh đến đạo đức số (digital ethics), giúp học sinh biết ứng xử văn minh trên không gian mạng [6].

#### **5.1.3. Singapore**

Singapore đã triển khai chiến lược Smart Nation (2014), coi giáo dục số là một trụ cột trong phát triển đất nước. Pháp luật của Singapore quy định chặt chẽ về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, tiêu biểu là Luật Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân (Personal Data Protection Act - PDPA, 2012). Trong giáo dục, Singapore kết hợp giữa đầu tư hạ tầng kỹ thuật số (trường học kết nối toàn diện, tài nguyên học tập trực tuyến quốc gia) và xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo. Học sinh, sinh viên được đào tạo kỹ năng số, tư duy khởi nghiệp, cùng với chuẩn mực đạo đức trực tuyến. Nhờ vậy, Singapore hình thành được một nền giáo dục số có kỷ luật, sáng tạo và hội nhập quốc tế [7].

### **5.2. Giá trị tham khảo cho Việt Nam**

Từ kinh nghiệm quốc tế, có thể rút ra ba định hướng lớn cho Việt Nam:

#### **5.2.1. Hoàn thiện khung pháp luật liên ngành**

Việt Nam cần xây dựng khung pháp luật tổng thể, kết hợp giữa giáo dục - công nghệ - văn hóa - an

ninh mạng.

Ví dụ: Luật Giáo dục nên có chương hoặc điều khoản riêng về giáo dục số và văn hóa học đường trong môi trường số, đồng thời liên thông với Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

### 5.2.2. Xây dựng mô hình “văn hóa học đường số”

Xây dựng bộ quy tắc ứng xử trực tuyến cho học sinh, sinh viên và giảng viên (tương tự như Singapore).

Kết hợp giữa chuẩn mực đạo đức truyền thống và chuẩn mực ứng xử trên không gian mạng nhằm hình thành môi trường giáo dục an toàn, sáng tạo, nhân văn.

### 5.2.3. Thúc đẩy các giá trị: tôn trọng sự khác biệt, trung thực học thuật, trách nhiệm số

Chú trọng đào tạo kỹ năng số và đạo đức số; đưa kỹ năng số (digital skills) và đạo đức số (digital ethics) vào chương trình giáo dục phổ thông và đại học như một phần bắt buộc. Qua đó học sinh không chỉ được học cách sử dụng công nghệ mà còn biết tư duy phản biện, quản lý dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền riêng tư cũng như cách ứng xử văn minh trên môi trường mạng. Điều này giúp tạo ra công dân số toàn cầu, có khả năng cạnh tranh trong kỷ nguyên số nhưng vẫn gắn với bản sắc văn hóa Việt Nam.

## 6. Giải pháp hoàn thiện pháp luật hướng tới xây dựng văn hóa giáo dục trong kỷ nguyên số

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu đặt ra đối với hệ thống giáo dục không chỉ là hiện đại hóa hạ tầng và phương thức đào tạo mà còn phải hình thành một nền VHGD số vừa tiên tiến, vừa bền vững. Để đạt được điều này, việc hoàn thiện pháp luật là một giải pháp trọng tâm nhằm tạo hành lang pháp lý rõ ràng, bảo đảm tính khả thi, đồng thời khơi dậy sự tham gia của mọi chủ thể trong xã hội.

Trước hết, cần hoàn thiện thể chế pháp luật với việc ban hành một Luật Giáo dục số hoặc Nghị định chuyên ngành về VHGD trong kỷ nguyên số. Đây sẽ là văn bản pháp lý chuyên biệt, thống nhất các khái niệm cốt lõi như giáo dục số, văn hóa học đường số, liên chính học thuật số; quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể; đồng thời xác định tiêu chuẩn hạ tầng, cơ chế quản trị số, yêu cầu bảo mật dữ liệu và học liệu số mở. Song song với đó, Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học cần được sửa đổi, bổ sung các quy định về ứng xử trực tuyến, nghĩa vụ bảo đảm liên chính học thuật cũng như yêu cầu bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên. Các văn bản dưới luật sẽ đóng vai trò hướng dẫn cụ thể về tiêu chí văn hóa học đường số, quy trình xử lý vi phạm và chuẩn mực an toàn dữ liệu, qua đó tạo nên một hệ thống pháp luật đồng bộ, liên thông với Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó cần xây dựng cơ chế thực thi hiệu quả để các quy định không chỉ dừng lại trên giấy tờ. Bộ Giáo dục và Đào tạo, phối hợp với các cơ quan chức năng, có thể thành lập đoàn thanh tra chuyên trách về VHGD số, tập trung vào kiểm soát an toàn dữ liệu, xử lý gian lận học thuật và bạo lực mạng. Đồng thời, việc xây dựng bộ chỉ số đánh giá VHGD số cho từng cơ sở đào tạo sẽ giúp theo dõi minh bạch, công khai và gắn kết quả đánh giá với ngân sách, dự án hoặc chứng nhận chất lượng. Cơ chế thực thi phải đi đôi với cả chế tài nghiêm khắc (xử phạt hành chính, kỷ luật, thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự đối với vi phạm nghiêm trọng) và các biện pháp khuyến khích (quỹ thưởng, hỗ trợ nghiên cứu, ưu tiên cấp kinh phí). Ở cấp cơ sở, các trường đại học lớn nên thành lập Bộ phận Liên chính học thuật và An toàn số, có chức năng tư vấn, giám sát và phối hợp xử lý sự cố.

Ngoài ra, một trụ cột quan trọng khác là bảo đảm công bằng xã hội trong chuyển đổi số. Nếu không có chính sách hợp lý, khoảng cách số sẽ làm gia tăng bất bình đẳng giáo dục. Do đó, Nhà nước cần đầu tư hạ tầng mạng băng rộng cho vùng khó khăn, hỗ trợ thiết bị học tập theo cơ chế cho vay hoặc cho mượn, đồng thời yêu cầu mỗi trường và trung tâm cộng đồng tổ chức lớp kỹ năng số cơ bản miễn phí. Cùng với đó, việc biên soạn học liệu số đa ngôn ngữ, phù hợp với bản sắc văn hóa vùng miền, sẽ giúp người học không bị loại trừ khỏi quá trình hội nhập số.

Trong việc phát huy vai trò các chủ thể liên quan, mỗi bên đều có trách nhiệm rõ ràng. Nhà trường là trung tâm kiến tạo văn hóa học đường số, ban hành quy tắc ứng xử, triển khai nền tảng quản lý học

tập và chính sách bảo mật. Giáo viên cần trở thành hình mẫu về liêm chính học thuật và văn hóa số, đồng thời hướng dẫn kỹ năng kiểm chứng thông tin, ứng xử trực tuyến văn minh cho học sinh. Người học có trách nhiệm tuân thủ bộ quy tắc ứng xử điện tử, tham gia chương trình rèn luyện đạo đức số và hợp tác trong báo cáo sự cố. Gia đình và xã hội cần đồng hành, giám sát, đồng thời nuôi dưỡng giá trị truyền thống trong môi trường số hóa. Về phía Nhà nước, cần có cơ chế phối hợp liên ngành giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Công an để ban hành chính sách và xử lý vi phạm. Bên cạnh đó, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể cung cấp hạ tầng, học liệu, giải pháp công nghệ, cũng như tham gia kiểm định và đánh giá độc lập.

Cuối cùng, để bảo đảm tính minh bạch và bền vững, cần xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá với bộ chỉ số hiệu quả (KPIs) cụ thể: 1. Tỷ lệ trường đáp ứng chuẩn hạ tầng số; 2. Tỷ lệ học sinh có thiết bị truy cập; 3. Tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng năng lực số; 4. Số vụ vi phạm đạo đức học thuật hay bạo lực mạng giảm theo năm; 5. Mức độ hài lòng của phụ huynh và học sinh cùng với chỉ số an toàn dữ liệu. Kết quả đánh giá nên được công khai định kỳ, trở thành căn cứ phân bổ ngân sách, đồng thời khuyến khích sự tham gia của các tổ chức kiểm định độc lập để gia tăng độ tin cậy. Như vậy, việc hoàn thiện pháp luật hướng tới xây dựng VHGD trong kỷ nguyên số không chỉ là yêu cầu mang tính pháp lý mà còn là một chiến lược văn hóa - xã hội toàn diện. Một hệ thống pháp luật chặt chẽ, cơ chế thực thi hiệu quả, chính sách bảo đảm công bằng cùng sự chung tay của nhà trường, gia đình, xã hội và nhà nước sẽ góp phần kiến tạo một nền giáo dục số kỷ luật, sáng tạo và hội nhập quốc tế.

## 7. Kết luận

Xây dựng VHGD trong kỷ nguyên số là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài vì kỷ nguyên số đòi hỏi những kỹ năng và tư duy mới để con người thích ứng và phát triển. Pháp luật có vai trò then chốt trong việc định hướng, bảo đảm và thúc đẩy các giá trị VHGD. Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu nhưng còn không ít hạn chế, đòi hỏi phải hoàn thiện khung pháp luật một cách đồng bộ, hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế và đặc thù dân tộc.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, pháp luật cần gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục, công nghệ và văn hóa. Trên cơ sở đó, Việt Nam cần sớm ban hành các quy định cụ thể về VHGD trong môi trường số, tăng cường cơ chế thực thi, bảo đảm công bằng và phát huy vai trò của toàn xã hội.

Hoàn thiện pháp luật không chỉ để điều chỉnh hoạt động giáo dục mà còn để kiến tạo một nền VHGD Việt Nam hiện đại, nhân văn, hội nhập, góp phần phát triển con người và xã hội bền vững trong kỷ nguyên số.

### Tài liệu tham khảo

[1] Trần Ngọc Thêm (1999). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2] Peterson, Kent D. (2002). *What Is School Culture?*. Journal of Staff Development (JSD) 23 (3), [https://www.nesacenter.org/uploaded/conferences/FLC/2014/handouts/Kent\\_Peterson/KP\\_JSD\\_Pos\\_Neg\\_Cult\\_copy.pdf](https://www.nesacenter.org/uploaded/conferences/FLC/2014/handouts/Kent_Peterson/KP_JSD_Pos_Neg_Cult_copy.pdf), truy cập 19/9/2025.

[3] Thanh Hằng (2025). *Bộ Giáo dục: Vụ học sinh kéo tóc, ghim cô giáo là 'ngghiêm trọng'*. Nguồn: <https://vnexpress.net/bo-giao-duc-len-tieng-vu-nam-sinh-lop-7-thcs-dai-kim-giat-toc-hanh-hung-giao-vien-4941370.html>, ngày 20/9/2025.

[4] Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 3/6/2020 phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*.

[5] [https://iled.snu.ac.kr/wp-content/uploads/kboard\\_attached/16/202002/202002040323551019884.pdf?utm\\_source](https://iled.snu.ac.kr/wp-content/uploads/kboard_attached/16/202002/202002040323551019884.pdf?utm_source), truy cập 20/9/2025.

[6] [https://www.oph.fi/en/exploring-finnish-digital-education/principles?utm\\_source](https://www.oph.fi/en/exploring-finnish-digital-education/principles?utm_source), truy cập 20/9/2025.

[7] <https://www.moe.gov.sg/education-in-sg/student-learning-space>, truy cập 20/9/2025.